

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÀ ÔN
TỈNH VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 104/2017/HNGĐ-ST

Ngày: 11-10-2017

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN, TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Lâm Văn Năm**

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà **Võ Ngọc Ba**

2/ Ông **Thạch Thế Hiền**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thúy An** - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Cẩm Tú** – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 10 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 192/2017/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 5 năm 2017 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 91/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 02 tháng 8 năm 2017, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà **Võ Thị S**, sinh năm 1957. (có mặt)

2. *Bị đơn:* Ông **Võ Văn B**, sinh năm 1955. (vắng mặt)

Cùng địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

3. *Người làm chứng:* Ông **Võ Minh E**, sinh năm 1968. (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: ấp M, xã T, huyện Tr, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 25/5/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Võ Thị S trình bày: Bà và ông Võ Văn B thành hôn vào năm 1980, có tổ chức lễ cưới nhưng có đăng ký kết hôn, thời gian chung sống lúc đầu có hạnh phúc, đến năm 2010 ông B bỏ nhà đi Thành phố 1 – 2 năm mới về thăm nhà, đến năm 2007 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ đó đến nay, tương lai hạnh phúc không đạt và không thể

đoàn tụ chung sống với nhau được nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông B. Về con chung có 02 con chung tên Võ Thị Nh, sinh ngày 19/4/1983 và Võ Văn M, sinh ngày 05/5/1985, hiện các con đã trưởng thành nên muốn sống với ai là tùy nguyện vọng của các con. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Kèm theo đơn khởi kiện bà S có nộp các tài liệu, chứng cứ: Bản tự khai, đơn yêu cầu về việc xác nhận nơi cư trú, trích lục khai sinh Võ Văn M, Võ Thị Nh, đơn xin miễn tiền tạm ứng án phí, án phí, lệ phí Tòa án, văn bản v/v xác nhận hộ tịch ngày 25/5/2017 của Phòng Tư pháp huyện Tr, bản sao giấy chứng minh nhân dân và sổ hộ khẩu.

Tại biên bản tiếp xúc ngày 31/8/2017, người làm chứng ông Võ Minh E trình bày: Về tình trạng hôn nhân của bà S và ông B không còn sống chung khoảng trên 10 năm nay do ông B thường xuyên rượu chè, về mâu thuẫn dẫn đến vợ chồng bà S và ông B ly thân thì ông không nắm rõ, còn ở địa phương thì ông B chưa chấp hành tốt.

Tại phiên tòa, nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với ông B. Về con chung đã trưởng thành nên muốn sống với ai là tùy nguyện vọng của con, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của Viện kiểm sát:

- Về trình tự, thủ tục tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng thể hiện trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa hoàn toàn đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng không có ý kiến về nội dung mà nguyên đơn khởi kiện, không tham gia phiên tòa theo giấy triệu tập của Tòa án, không thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người làm chứng có ý kiến trình bày xin vắng mặt tại phiên tòa, đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về quan hệ hôn nhân chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị S, xử cho bà S ly hôn với ông Võ Văn B. Về án phí: miễn án phí cho bà S do thuộc đối tượng người cao tuổi điểm d khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Bị đơn ông Võ Văn B được triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng bị đơn vẫn vắng mặt lần thứ 2 không lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

Người làm chứng ông Võ Minh E vắng mặt tại phiên Tòa nhưng ông E đã có lời khai trực tiếp với Tòa án và xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 31/8/2017. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân:

Bà Võ Thị S và ông Võ Văn B thành hôn năm 1980 tuy không có đăng ký kết hôn theo văn bản xác nhận hộ tịch ngày 25/5/2017 của Phòng Tư pháp huyện Tr nhưng theo giấy khai sinh của các con bà S và ông B thể hiện chị Võ Thị Nh, sinh ngày 19/4/1983 và anh Võ Văn M, sinh ngày 05/5/1985. Như vậy có cơ sở xác định quan hệ vợ chồng của bà S và ông B được xác lập trước ngày 03/01/1987 nên xem quan hệ hôn nhân giữa bà S và ông B là hợp pháp theo quy định tại điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội.

Xét trong quá trình chung sống vợ chồng thời gian đầu vợ chồng sống có hạnh phúc, sau phát sinh mâu thuẫn do ông B không quan tâm đến vợ con, thường xuyên bỏ nhà đi và hai người tự cắt đứt quan hệ vợ chồng từ năm 2007 cho đến nay không ai tới lui thăm nom giúp đỡ gì và sau khi Tòa án thụ lý đã ra giấy triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để Tòa án hoà giải giúp đỡ đoàn tụ nhưng ông B vẫn vắng mặt không lý do. Như vậy cho thấy tình cảm giữa bà S và ông B không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu ly hôn của bà S là có cơ sở phù hợp Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.2] Về con chung:

Bà S và ông B có hai con chung tên Võ Thị Nh, sinh ngày 19/4/1983 và Võ Văn M, sinh ngày 05/5/1985, hiện đã trưởng thành, bà S không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.3] Tài sản chung, nợ chung:

Bà S xác định không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

[2.4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà S theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp theo quy định của pháp luật nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 227, khoản 3 Điều 228 và khoản 2 Điều 229 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc hội; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:**1. Về quan hệ hôn nhân:**

Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Võ Thị S. Xử cho bà S ly hôn với ông Võ Văn B.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Võ Thị S được miễn nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND huyện Tr;
- THADS huyện Tr;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lâm Văn Năm